

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
KHOÁ 13

Tên chương trình : **Ngôn ngữ Anh**
Trình độ đào tạo : **Đại học (Cử nhân)**
Ngành đào tạo : **Ngôn ngữ Anh**
(English language)
Mã ngành : **7220201**
Hình thức đào tạo : **Chính quy**

Hải Dương, 2022

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Chữ viết đầy đủ
1	CDR	Chuẩn đầu ra
2	CTĐT	Chương trình đào tạo
3	TC	Tín chỉ

MỤC LỤC

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
A. GIỚI THIỆU CHUNG	1
I. Thông tin chung về CTĐT	1
II. Tầm nhìn - Sứ mạng - Chính sách chất lượng - Triết lý giáo dục	2
B. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
I. Mục tiêu đào tạo.....	3
1.1. Mục tiêu chung	3
1.2. Mục tiêu cụ thể	3
1.2.1. Kiến thức.....	3
1.2.2. Kỹ năng.....	3
1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm.....	3
1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp.....	3
II. Chuẩn đầu ra	4
2.1. Kiến thức.....	4
2.2. Kỹ năng.....	4
2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm	4
III. Nội dung chương trình đào tạo.....	5
IV. Ma trận tích hợp học phần với chuẩn đầu ra CTĐT.....	8
V. Tiến trình đào tạo	12
VI. Nội dung các học phần.....	13
6.1. Mô tả học phần	13
6.2. Đề cương chi tiết học phần	28

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 425/QĐ-ĐHSD, ngày 10 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ)

A. GIỚI THIỆU CHUNG

I. Thông tin chung về CTĐT

1. Tên CTĐT: Ngôn ngữ Anh (English language)
2. Mã ngành đào tạo: 7220201
3. Trường cấp bằng: Trường Đại học Sao Đỏ
4. Thông tin chứng nhận kiểm định chất lượng: Trường Đại học Sao Đỏ được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam (CEA-AVU&C) công nhận Trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
5. Tên gọi văn bằng: Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh
6. Trình độ đào tạo: Đại học (Cử nhân)
7. Số tín chỉ yêu cầu: 146 tín chỉ (không bao gồm học phần điều kiện và học phần tự chọn tùy ý).
8. Khoa quản lý: Khoa Du lịch và Ngoại ngữ
9. Hình thức đào tạo: Chính quy
10. Thời gian đào tạo: 4 năm
11. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
12. Thang điểm đánh giá: Sử dụng thang điểm 10 được quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ.
13. Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ, hình thức đào tạo chính quy) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ.
14. Học tập nâng cao trình độ: Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ trong quá trình công tác và tiếp tục theo học các CTĐT trình độ cao hơn như: thạc sĩ, tiến sĩ ngành Ngôn ngữ Anh.
15. Chương trình tham khảo:
 - [1]. Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (2019), *Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh*.
 - [2]. Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam (2015), *Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh*.
 - [3]. Trường Đại học Hà Nội, Việt Nam (2020), *Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh*.
 - [4]. Trường Đại học Winnipeg (2018), *Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh*.
16. Thời điểm cập nhật: Tháng 9 năm 2022.

II. Tầm nhìn - Sứ mạng - Chính sách chất lượng - Triết lý giáo dục - Giá trị văn hoá cốt lõi

2.1. Tầm nhìn - 2030

Phát triển Nhà trường theo định hướng đại học ứng dụng. Ưu tiên đầu tư trọng tâm, trọng điểm các ngành kỹ thuật truyền thống của Nhà trường thành ngành mũi nhọn. Đẩy mạnh hoạt động: Sáng tạo khoa học kỹ thuật - Nâng cao năng lực thực hành - Ứng dụng chuyển giao công nghệ phù hợp với tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghiệp lần thứ tư.

2.2. Sứ mạng - 2025

Đào tạo gắn với nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ. Học đi đôi với hành, lý thuyết gắn với thực tế, Nhà trường gắn với doanh nghiệp. Sinh viên ra trường có sức khỏe; năng lực và kỹ năng toàn diện; tự tin, sáng tạo; có việc làm thu nhập ổn định và cơ hội thăng tiến.

2.3. Chính sách đảm bảo chất lượng giai đoạn 2021-2025

2.3.1. Thực hiện thành công sứ mạng của Nhà trường trên nền tảng: sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm phù hợp với chuyên môn được đào tạo, thu nhập ổn định ở từng vị trí làm việc, có khả năng phát triển bản thân.

2.3.2. Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tác phong; phát huy tính tích cực, trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị với mục tiêu: “hướng tới người học, vì người học”. Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy theo quan điểm: “lấy kiến thức cơ bản làm nền tảng, kiến thức mở rộng là cần thiết, kiến thức ứng dụng là quan trọng” đáp ứng chuẩn đầu ra.

2.3.3. Xây dựng đề án mở ngành học mới theo nhu cầu xã hội và định hướng phát triển Nhà trường. Đầu tư trang thiết bị hiện đại, đẩy mạnh hoạt động sáng tạo khoa học kỹ thuật - nâng cao năng lực thực hành - ứng dụng chuyển giao công nghệ phù hợp với tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghiệp lần thứ tư để Nhà trường không chỉ là nơi phổ biến tri thức, dạy sinh viên cách tiếp cận công nghệ mà là nơi tạo ra tri thức, tạo ra công nghệ.

2.3.4. Nâng cao năng lực quản trị đại học; tăng cường công tác kiểm tra giám sát, ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện thông minh hóa trong công tác quản lý cán bộ, quản lý sinh viên, quản lý một số hoạt động đào tạo, quản lý công việc theo kết quả đầu ra; từng bước xây dựng trường học thông minh góp phần xây dựng thành phố thông minh.

2.3.5. Duy trì vận hành hệ thống quản lý chất lượng (Quality Management Systems - QMS) theo TCVN ISO 9001:2015; tiếp tục thực hiện tự đánh giá chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo trình độ đại học; tái kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào năm 2023.

2.4. Triết lý giáo dục

Chất lượng toàn diện - Hợp tác sâu rộng - Phát triển bền vững.

2.5. Giá trị văn hoá cốt lõi

Thực học - Thực hành - Thực chung - Thực tâm - Thực nghiệp - Thực tiến.

B. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Anh có phẩm chất chính trị, đạo đức; có sức khỏe tốt; trách nhiệm với nghề nghiệp; thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ cộng đồng; có kiến thức tổng quan về các lĩnh vực văn hóa, xã hội; có kiến thức chuyên môn toàn diện, có kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, biên dịch, phiên dịch tiếng Anh; có khả năng tự học và sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, làm việc theo nhóm hiệu quả, thích ứng với các điều kiện làm việc; có trách nhiệm với bản thân, xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.2.1.1a. Có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

1.2.1.1b. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, tin học và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

1.2.1.2a. Có kiến thức cơ bản về các lĩnh vực ngôn ngữ như ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, phân tích ngôn ngữ, phương pháp dạy học ngoại ngữ và so sánh đối chiếu về ngôn ngữ.

1.2.1.2 b. Có kiến thức chuyên sâu về các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và kỹ thuật biên dịch, phiên dịch.

1.2.1.2c. Có kiến thức cơ bản về quản lý và điều hành hoạt động chuyên môn.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Có kỹ năng giao tiếp tiếng Anh thành thạo và biên dịch, phiên dịch tiếng Anh.

1.2.2.2. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và năng lực dẫn dắt chuyên môn để giải quyết vấn đề liên quan đến ngành Ngôn ngữ Anh.

1.2.2.3. Ứng dụng được phần mềm tin học và có năng lực ngoại ngữ tiếng Trung bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

1.2.3.1. Có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

1.2.3.2. Có năng lực hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Cử nhân Ngôn ngữ Anh và đảm nhận được công việc ở các vị trí: Cán bộ quản lý, chuyên viên, phiên dịch viên, biên dịch viên, nhân viên văn phòng tại các cơ quan, doanh nghiệp có sử dụng tiếng Anh; làm công tác giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và theo học ở các trình độ cao hơn.

II. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

2.1.1. Hiểu được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2.1.2. Vận dụng được kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

2.1.3. Trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2.1.4. Hiểu được các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, văn hoá và văn học các nước nói tiếng Anh để vận dụng trong thực hành tiếng.

2.1.5. Vận dụng được các kiến thức nghe, nói, đọc, viết trong giao tiếp và các kỹ năng về nghiệp vụ trong công tác biên dịch, phiên dịch.

2.1.6. Tổng hợp được các kiến thức chuyên môn để lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh thành thạo trong công việc và giao tiếp xã hội.

2.2.2. Biên dịch, phiên dịch Anh-Việt, Việt-Anh về các lĩnh vực văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội.

2.2.3. Vận dụng linh hoạt các kiến thức về ngôn ngữ Anh (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), văn hoá và văn học Anh để giao tiếp và biên dịch, phiên dịch.

2.2.4. Phân tích được vấn đề và giải pháp chuyên môn tới người khác một cách rõ ràng dễ hiểu, đánh giá được chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

2.2.5. Hợp tác, thích ứng với môi trường, công việc mới và dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho bản thân, cho người khác.

2.2.6. Năng lực ngoại ngữ tiếng Trung đạt bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Có sức khỏe, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

2.3.2. Hướng dẫn, giám sát, đánh giá và đưa ra kết luận các công việc thuộc chuyên môn nghề nghiệp.

2.3.3. Tự học, tự nghiên cứu, định hướng, đưa ra kết luận và bảo vệ quan điểm cá nhân trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh.

2.3.4. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động sản xuất liên quan đến tiếng Anh.

III. Nội dung chương trình đào tạo**A. HỌC PHẦN KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG VÀ GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
3.1		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	47		
3.1.1		Lý luận chính trị	11	11	0
1	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
2	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
3	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
5	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
3.1.2		Khoa học xã hội - nhân văn	10	10	0
3.1.2.1		Phần bắt buộc	8	8	0
6	KHXH 001	Dẫn luận ngôn ngữ	2	2	0
7	KHXH 014	Từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	2	2	0
8	VNH 001	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	2	0
9	KHXH 006	Pháp luật đại cương	2	2	0
3.1.2.2		Phần tự chọn có hướng dẫn (chọn 1 trong 4 học phần sau)	2	2	0
10	KHXH 016	Nghiệp vụ văn phòng	2	2	0
11	KHXH 005	Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao	2	2	0
12	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
13	KHXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh	2	2	0
3.1.3		Ngoại ngữ	8	8	0
14	TTRUNG 015	Tiếng Trung căn bản 1	2	2	0
15	TTRUNG 016	Tiếng Trung căn bản 2	3	3	0
16	TTRUNG 017	Tiếng Trung căn bản 3	3	3	0
3.1.4		Tin học	4	2	2
17	TINCB 005	Tin học cơ bản	4	2	2
3.1.5		Kỹ năng mềm	3	2	1
18	KNM 005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	3	2	1
3.1.6		Giáo dục thể chất	3	0	3
19	GDTC	Giáo dục thể chất	3	0	3
3.1.7		Giáo dục quốc phòng và an ninh	8 TC (165 tiết)		
20	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	8 TC (165 tiết)		
3.2		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	99	55	44
3.2.1		Kiến thức cơ sở ngành	14	14	0
21	NNA 003	Ngữ âm	2	2	0
22	NNA 004	Ngữ nghĩa	2	2	0
23	NNA 005	Ngữ pháp học	3	3	0
24	NNA 006	Từ vựng	2	2	0
25	NNA 001	Đất nước học	2	2	0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
26	NNA 002	Giao thoa văn hoá	3	3	0
3.2.2		Kiến thức ngành	65	41	24
3.2.2.1		Phần bắt buộc	63	39	24
27	NNA 017	Nghe 1	2	2	0
28	NNA 053	Nói 1	2	0	2
29	NNA 045	Đọc 1	2	2	0
30	NNA 038	Viết 1	2	2	0
31	NNA 018	Nghe 2	2	2	0
32	NNA 054	Nói 2	2	0	2
33	NNA 012	Đọc 2	2	2	0
34	NNA 039	Viết 2	2	2	0
35	NNA 019	Nghe 3	2	2	0
36	NNA 055	Nói 3	2	0	2
37	NNA 013	Đọc 3	2	2	0
38	NNA 040	Viết 3	2	2	0
39	NNA 020	Nghe 4	2	2	0
40	NNA 047	Nói 4	2	0	2
41	NNA 014	Đọc 4	2	2	0
42	NNA 041	Viết 4	2	2	0
43	NNA 021	Nghe 5	2	2	0
44	NNA 048	Nói 5	2	0	2
45	NNA 015	Đọc 5	2	2	0
46	NNA 042	Viết 5	2	2	0
47	NNA 046	Nghe 6	2	2	0
48	NNA 049	Nói 6	2	0	2
49	NNA 034	Đọc 6	2	2	0
50	NNA 044	Viết 6	2	2	0
51	NNA 056	Tiếng Anh tổng hợp	3	3	0
52	NNA 008	Biên dịch 1	3	0	3
53	NNA 009	Biên dịch 2	3	0	3
54	NNA 029	Phiên dịch 1	3	0	3
55	NNA 030	Phiên dịch 2	3	0	3
3.2.2.2		Phần tự chọn có hướng dẫn (chọn 1 trong 3 học phần sau)	2	2	0
56	NNA 028	Phân tích diễn ngôn	2	2	0
57	NNA 022	Ngôn ngữ học đối chiếu Việt Anh	2	2	0
58	NNA 016	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh	2	2	0
3.2.3		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	20	0	20
59	NNA 402	Thực tập biên, phiên dịch	3	0	3
60	NNA 403	Thực tập tốt nghiệp	7	0	7

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
61	NNA 401	Khóa luận tốt nghiệp (<i>hoặc học thêm 2 học phần chuyên môn sau</i>)	10	0	10
62	NNA 050	Thực hành biên dịch doanh nghiệp	5	3	2
63	NNA 051	Thực hành phiên dịch doanh nghiệp	5	3	2
Tổng (tín chỉ)			146		

B. HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN VÀ HỌC PHẦN TỰ CHỌN TÙY Ý

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
I. Học phần điều kiện			11	9	2
I.1		Kỹ năng mềm	6	4	2
1	KNM 006	Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm	3	2	1
2	KNM 007	Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo	3	2	1
I.2		Ngoại ngữ	5	5	0
3	TTRUNG018	Tiếng Trung nâng cao 1	2	2	0
4	TTRUNG019	Tiếng Trung nâng cao 2	3	3	0
II. Học phần tự chọn tùy ý			11	5	6
5	NNA 057	Tiếng Anh du lịch khách sạn	2	2	0
6	NNA 031	Phiên dịch 3	3	0	3
7	NNA 010	Biên dịch 3	3	0	3
8	NNA 007	Văn học các nước nói tiếng Anh	3	3	0
Tổng (tín chỉ)			22	14	8

IV. Ma trận tích hợp học phần với chuẩn đầu ra CTĐT

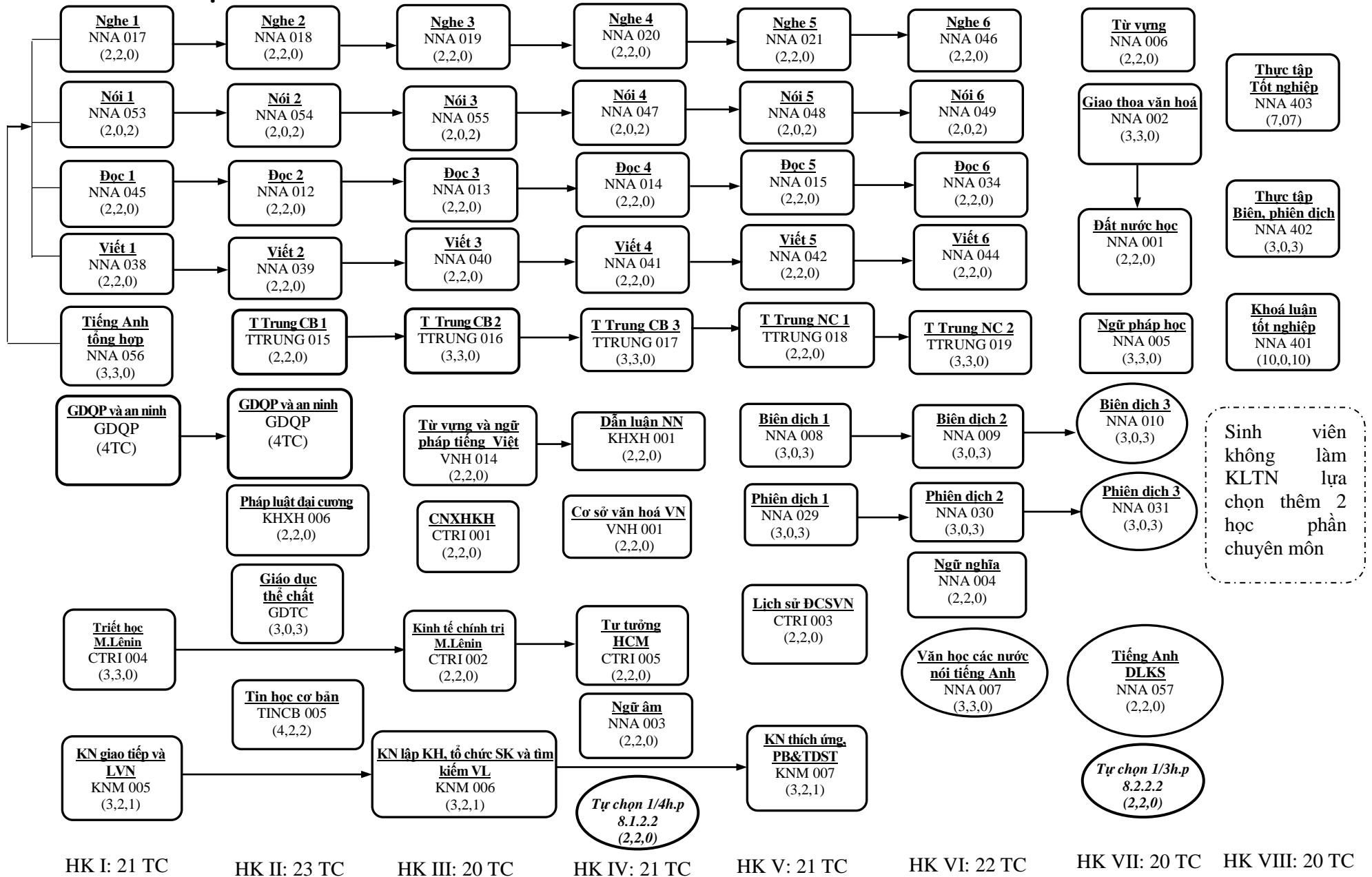
STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
1.	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin	2									3			4		4	
2.	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2									3			4		4	
3.	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2									3			4		4	
4.	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2									3			4		4	
5.	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2									3			4		4	
6.	KHXH 001	Dẫn luận ngôn ngữ		3						3					3			
7.	KHXH 014	Từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt		3						3					3			
8.	VNH 001	Cơ sở văn hoá Việt Nam		3						3					3			
9.	KHXH 006	Pháp luật đại cương	2									3			4		4	
10.	KHXH 016	Nghiệp vụ văn phòng		3					3	3					3			
11.	KHXH 005	Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao		3						3					3			
12.	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học						2				3			3	3	3	
13.	KHXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh					2					3			3	3		
14.	TTRUNG 015	Tiếng Trung căn bản 1		2										3	3			
15.	TTRUNG 016	Tiếng Trung căn bản 2		2										3	3			
16.	TTRUNG 017	Tiếng Trung căn bản 3		3										3	4			
17.	TINCB 005	Tin học cơ bản			3										3			
18.	KNM 005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2									4	3		4		4	
19.	GDTC	Giáo dục thể chất	2									3			4			
20.	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2									3			4			

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
21.	NNA 003	Ngữ âm				2				3					4		4	
22.	NNA 004	Ngữ nghĩa				2				3					4		4	
23.	NNA 005	Ngữ pháp học				2				3					4		4	
24.	NNA 006	Từ vựng				2				3					4		4	
25.	NNA 001	Đất nước học				2				3					4		4	
26.	NNA 002	Giao thoa văn hoá				2				3					4		4	
27.	NNA 017	Nghe 1					3		3		4				4	4		
28.	NNA 053	Nói 1					3		3		4				4	4		
29.	NNA 045	Đọc 1					3		3		4				4	4		
30.	NNA 038	Viết 1					3		3		4				4	4		
31.	NNA 018	Nghe 2					3		3		4				4	4		
32.	NNA 054	Nói 2					3		3		4				4	4		
33.	NNA 012	Đọc 2					3		3		4				4	4		
34.	NNA 039	Viết 2					3		3		4				4	4		
35.	NNA 019	Nghe 3					3		3		4				4		4	
36.	NNA 055	Nói 3					3		3		4				4		4	
37.	NNA 013	Đọc 3					3		3		4				4		4	
38.	NNA 040	Viết 3					3		3		4				4		4	
39.	NNA 020	Nghe 4					3		3		4				4		4	
40.	NNA 047	Nói 4					3		4		4				4		4	
41.	NNA 014	Đọc 4					3		4		4				4		4	

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
42.	NNA 041	Viết 4					3		4		4				4		4	
43.	NNA 021	Nghe 5					3		4		4				4			4
44.	NNA 048	Nói 5					3		4		4				4			4
45.	NNA 015	Đọc 5					3		4		4				4			4
46.	NNA 042	Viết 5					3		4		4				4			4
47.	NNA 046	Nghe 6					3		4		4				4			4
48.	NNA 049	Nói 6					3		4		4				4			4
49.	NNA 034	Đọc 6					3		4		4				4			4
50.	NNA 044	Viết 6					3		4		4				4			4
51.	NNA 056	Tiếng Anh tổng hợp					3		4		4				4			4
52.	NNA 008	Biên dịch 1				2	3	4		4	3	4	5		3	4	5	5
53.	NNA 009	Biên dịch 2				2	3	4		4	3	4	5		3	4	5	5
54.	NNA 029	Phiên dịch 1				2	3	4		4	3	4	5		3	4	5	5
55.	NNA 030	Phiên dịch 2				2	3	4		4	3	4	5		3	4	5	5
56.	NNA 028	Phân tích diễn ngôn				3	3				4				4	4	4	4
57.	NNA 022	Ngôn ngữ học đối chiếu Việt Anh				3	3				4				4	4	4	4
58.	NNA 016	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh				3	3				4				4	4	4	4
59.	NNA 402	Thực tập biên, phiên dịch				3	3	4			4	4			4	4	5	5
60.	NNA 403	Thực tập tốt nghiệp				3	3	4			4	4			4	4	5	5
61.	NNA 401	Khóa luận tốt nghiệp				3	3	4			4	4			4	4	5	5
62.	NNA 050	Thực hành biên dịch doanh nghiệp						6		5					5			

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
63.	NNA 051	Thực hành phiên dịch doanh nghiệp					6	6		5					5			
64.	KNM 006	Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm	2									4	3		4		4	
65.	KNM 007	Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo	2									4	3		4		4	
66.	TTRUNG 018	Tiếng Trung nâng cao 1		3										4	4			
67.	TTRUNG 019	Tiếng Trung nâng cao 2		3										4	4			
68.	NNA 057	Tiếng Anh du lịch khách sạn				3	3			4					4			
69.	NNA 010	Biên dịch 3				2	3	4		4	3	4	5		3	4	5	5
70.	NNA 031	Phiên dịch 3				2	3	4		4	3	4	5		3	4	5	5
71.	NNA 007	Văn học các nước nói tiếng Anh				2				3					4		4	

V. Tiến trình đào tạo



VI. Nội dung các học phần

6.1. Mô tả các học phần

1. Triết học Mác - Lênin

Học phần Triết học Mác - Lênin giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Triết học và vấn đề cơ bản của triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức; chủ nghĩa duy vật lịch sử: vai trò của triết học trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử: học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn.

2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần Chủ nghĩa xã hội (CNXH) khoa học giới thiệu khái quát cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH, dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Giúp sinh viên nhận diện và giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh trong thực tiễn quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam.

4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền từ năm 1930 - 1945; Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Hình thành cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn đường lối lãnh đạo của Đảng, và khả năng vận dụng đường lối của Đảng vào tiễn trong học tập, cuộc sống.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung, quan điểm cơ

bản trong hệ thống tư tưởng của Người như: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy, hình thành quan điểm khoa học, lập trường cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

6. Dẫn luận ngôn ngữ

Học phần Dẫn luận ngôn ngữ cung cấp những khái niệm quan trọng và cơ bản nhất của ngôn ngữ học, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, giữa ngôn ngữ và tư duy, cung cấp những tri thức chung về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa để hiểu một ngôn ngữ cụ thể và vận dụng chúng trong học tập, nghiên cứu.

7. Từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt

Học phần Từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt gồm 2 phần, phần một: “Từ vựng tiếng Việt” bao gồm: Đơn vị từ vựng và từ vựng tiếng Việt; nghĩa của từ; hệ thống vốn từ tiếng Việt. Phần hai: “Ngữ pháp tiếng Việt” bao gồm các nội dung về từ loại và cụm từ tiếng Việt; câu tiếng Việt (cấu tạo ngữ pháp, câu trong hoạt động giao tiếp).

8. Cơ sở văn hoá Việt Nam

Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam: khái niệm văn hóa và những khái niệm liên quan đến văn hóa, tiến trình lịch sử phát triển của văn hóa Việt Nam, văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân và tập thể, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Qua đó, sinh viên có những kiến thức cơ bản làm nền tảng cho việc tiếp thu những kiến thức chuyên ngành, vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống.

9. Pháp luật đại cương

Học phần Pháp luật đại cương giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật nói chung cũng như Nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng; về một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Hiến pháp Việt Nam, Luật hành chính, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Pháp luật về Luật lao động và Bảo hiểm xã hội, Pháp luật kinh doanh. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam, từ đó sống, học tập và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

10. Nghiệp vụ văn phòng

Học phần cung cấp kiến thức tổng quát về công tác văn phòng, công tác văn thư, lưu trữ, giúp sinh viên có thể thực hiện một số nghiệp vụ văn phòng cơ bản như xây dựng chương trình, kế hoạch và lịch làm việc, tổ chức hội họp, tổ chức các chuyến đi công tác, soạn thảo, ban hành và quản lý văn bản, nghiệp vụ văn thư lưu trữ, giao tiếp hành chính và tổ chức nơi làm việc.

11. Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao

Học phần Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cần thiết trong lĩnh vực ngoại giao như: Khái quát về ngoại giao và lễ tân ngoại giao, nghiệp vụ lễ tân ngoại giao, ngôi thứ và nguyên tắc xác định ngôi thứ trong lễ tân ngoại giao, chỉ rõ quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao và những biện pháp xử lý vi phạm miễn trừ ngoại giao.

12. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp thu thập dữ liệu và xử lý thông tin, trình bày luận điểm khoa học giúp cho sinh viên hình thành tư duy logic trong nghiên cứu khoa học. Từ đó, sinh viên biết xây dựng luận điểm, tìm kiếm luận cứ thông qua vận dụng các phương pháp thu thập thông tin và hoàn thiện về kỹ năng thuyết trình luận điểm khoa học.

13. Khởi nghiệp kinh doanh

Học phần Khởi nghiệp kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cần thiết trong lĩnh vực kinh doanh như: Thảo luận về vấn đề quản trị doanh nghiệp mới, phân tích các đặc điểm doanh nghiệp, quản trị tính sáng tạo và tạo dựng một doanh nghiệp thành công. Phương pháp hình thành ý tưởng kinh doanh, cách thức xây dựng bản kế hoạch và triển khai hoạt động kinh doanh. Cung cấp những kỹ năng cơ bản về tái lập doanh nghiệp.

14. Tiếng Trung căn bản 1

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về ngữ âm và chữ viết tiếng Trung: Cách phát âm, cách viết các nét cơ bản, nét biến thể và quy tắc viết chữ Hán, từ vựng về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Làm quen, hỏi họ tên, hỏi địa điểm, đổi tiền, mua bán, ăn uống... và kiến thức ngữ pháp như: Cách sử dụng các từ 们, 也, 都, 在... cách đọc số tự nhiên và mã số, câu hỏi dùng “吗”, câu hỏi dùng đại từ nghi vấn, câu hỏi chính phủ, câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ hình dung từ...

15. Tiếng Trung căn bản 2

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng, các cụm từ liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hằng ngày, mua quần áo. Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: Câu hỏi dùng 呢, câu hỏi lựa chọn, câu hỏi chính phủ, cụm từ chữ 的, từ hỏi số lượng, cụm từ số lượng, câu vị ngữ hình dung từ, câu vị ngữ chủ vị, câu vị ngữ hai tân ngữ, câu chữ 有, câu liên động, động từ lặp lại, cách nói giá tiền, số tự nhiên, cách biểu đạt sự tiến hành của động tác, cấu trúc 又...又..., 一点儿 và 有一点儿, 还是 và 或者. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài trong học phần.

16. Tiếng Trung căn bản 3

Học phần Tiếng Trung căn bản 3 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Ngữ pháp: Câu vị ngữ danh từ, câu kiêm ngữ, động từ năng nguyện, trợ từ ngữ khí “了”, bổ ngữ trạng thái, câu hỏi dùng ngữ điệu nghi vấn, cách hỏi với “多”, phân biệt được cách dùng “以前” và “以后”, “离”, “从” và “往”, “再” và “又”, cách biểu đạt thời gian, phương hướng và vị trí (phương vị từ), cách biểu đạt sự tồn tại, cách hỏi nguyên nhân.

- Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ theo những chủ điểm khác nhau: Hoạt động hằng ngày, sở thích cá nhân, cách biểu đạt phương hướng, thời gian,...

- Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc, đời sống,...

17. Tin học cơ bản

Học phần Tin học cơ bản cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về máy tính, hệ điều hành Windows, lưu trữ thông tin trên máy tính, kết nối và sử dụng tài nguyên và các dịch vụ trên Internet, xử lý một số sự cố liên quan đến máy tính và mạng, cách soạn và trình bày văn bản trong thực tế yêu cầu. Đồng thời giới thiệu cách trình bày, tạo và xử lý dữ liệu bảng tính; xây dựng và trình chiếu bài thuyết trình để giải quyết các tình huống xảy ra trong thực tế.

18. Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm

Học phần Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm cung cấp những nội dung cơ bản về khái niệm, vai trò, các phương tiện và các kỹ năng giao tiếp như: Cách thức giao tiếp, các nguyên tắc trong giao tiếp; những khó khăn trong giao tiếp; các hình thức trong giao tiếp ứng xử trong nhà trường như: Giao tiếp, ứng xử với thầy cô, cán bộ, công nhân viên, ứng xử với khách đến liên hệ với trường; nội dung cơ bản về khái niệm, tầm quan trọng và các kỹ năng làm việc nhóm như: Cách thức và quy chế tổ chức nhóm, các nguyên tắc làm việc theo nhóm, quá trình làm việc theo nhóm, giải quyết vấn đề trong nhóm, đánh giá kết quả của nhóm; những khó khăn khi làm việc theo nhóm. Từ đó, sinh viên vận dụng trong quá trình học tập, rèn luyện và trong cuộc sống.

19. Giáo dục thể chất

Sinh viên chọn 1 trong 3 nội dung:

- *Bóng chuyền hơi*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển, các quy định về sân bãi, dụng cụ thi đấu, luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và một số kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền: kỹ thuật chuyền bóng thấp tay, kỹ thuật chuyền bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng. Các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn bóng chuyền.

- *Bóng đá*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và một số kỹ thuật nâng cao của môn bóng đá: kỹ thuật dẫn bóng luân cộc sút cầu môn, kỹ thuật ném biên, kỹ thuật đá bóng bằng má trong bàn chân. Các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của bóng đá.

- *Khiêu vũ thể thao*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Lịch sử ra đời và phát triển môn khiêu vũ thể thao; luật khiêu vũ thể thao; các kỹ thuật cơ bản: thuật ngữ, vũ điệu Bachata, Chachacha và Bebo.

20. Giáo dục quốc phòng - An ninh

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh bao gồm những kiến thức cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh Nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh, nghệ thuật quân sự Việt Nam. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh Nhân dân. Đội ngũ đơn vị, sử dụng bản đồ, địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu các vết thương. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự.

21. Ngữ âm

Học phần này cung cấp kiến thức căn bản về ngữ âm và âm vị học tiếng Anh, các nét ngôn điệu của tiếng Anh cụ thể là cấu trúc của âm tiết, trọng âm từ, trọng âm câu, ngữ điệu và nhịp điệu để giúp sinh viên có thể nhận diện, phân tích và giải thích, miêu tả được các hiện tượng ngữ âm thường gặp, các bài thực hành giúp sinh viên trau dồi và nâng cao khả năng phát âm chuẩn mực, nói tiếng Anh có ngữ điệu và có trọng âm nhằm thể hiện đầy đủ mục đích đa dạng của lời nói.

22. Ngữ nghĩa

Học phần Ngữ nghĩa bao gồm 4 phần, tập trung vào các khái niệm về ngữ nghĩa, nghĩa của từ, nghĩa của câu, nghĩa phát ngôn, tiền giả định, hàm ngôn, hành động ngôn từ.

Học phần cung cấp các kiến thức, phân tích về các vấn đề của ngữ nghĩa học, nghĩa của từ, các phép tu từ, trường nghĩa và mối quan hệ về nghĩa trong câu. Qua đó, sinh viên phân tích được nghĩa của từ, giải thích phép tu từ, nêu được nghĩa của từ, câu trong văn bản.

23. Ngữ pháp học

Trên cơ sở cung cấp những khái niệm và lý thuyết ngữ pháp học, giáo trình giúp sinh viên bước đầu tìm hiểu Từ và Ngữ đoạn tiếng Anh trên bình diện ngữ pháp học, cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ pháp từ cơ bản tới nâng cao, giúp người học có cái nhìn tổng quan về lý thuyết ngữ pháp tiếng Anh. Thông qua việc cung cấp lý thuyết, giáo trình hướng dẫn sinh viên một số kỹ năng thực hành nhận diện, phân loại, phân tích cấu trúc, chức năng ngữ pháp của các đơn vị từ và ngữ đoạn tiếng Anh. Trên cơ sở đó xây dựng cho sinh viên lòng yêu thích ngữ pháp học nói chung và lý thuyết ngữ pháp nói riêng, có kỹ năng phân tích cú pháp, từ đó thấy được nét đặc thù và cái hay cái đẹp trong cách tạo câu nói riêng và cách diễn đạt nói chung của người Anh.

24. Từ vựng

Học phần Từ vựng cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về từ loại như danh từ, động từ, tính từ, từ nối, cách cấu tạo từ, nghĩa của từ. Ngoài ra, sinh viên được bổ sung thêm vốn từ vựng về các chủ đề: Con người, các hoạt động hằng ngày, công việc, hoạt động giải trí, công nghệ, du lịch,... Qua học phần, sinh viên sẽ có những

hiểu biết và kỹ năng liên quan đến từ vựng để ứng dụng tốt quá trình sử dụng ngôn ngữ trong công việc và trong cuộc sống.

25. Đất nước học

Học phần Đất nước học cung cấp sinh viên kiến thức và vốn từ vựng về đất nước con người, lịch sử, thể chế, giáo dục, phong tục tập quán của các quốc gia nói tiếng Anh. Thông qua các bài học, sinh viên được tăng cường kỹ năng đọc hiểu, thuyết trình, làm việc nhóm, giúp sinh viên có thái độ đúng đắn và thể hiện phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của cơ quan, doanh nghiệp trong xu thế hội nhập khu vực và quốc tế.

26. Giao thoa văn hoá

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về văn hoá, sức văn hoá, giao tiếp và giao tiếp giao văn hoá, giao tiếp bằng ngôn từ và giao tiếp phi ngôn từ, giao tiếp hiệu quả. Từ đó giúp sinh viên nhận thức được sự giống nhau và khác nhau trong giao tiếp giữa các nước, các nền văn hoá khác nhau. Bên cạnh việc trang bị về kiến thức, học phần cung cấp nhiều bài tập thực hành với nhiều tình huống giao tiếp thực tế về giao thoa văn hoá nói chung, giao thoa văn hoá trong ngành du lịch nói riêng nhằm giúp sinh viên thực hành, vận dụng tốt những kiến thức được trang bị vào giao tiếp thực tế trong nghề nghiệp tương lai.

27. Nghe 1

Học phần Nghe 1 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ, tính từ theo những chủ điểm giao tiếp khác nhau: Tên, trang phục, miêu tả người, thời gian, vị trí, gia đình, món ăn, du lịch.

Cấu trúc: Các cấu trúc hội thoại thực tế trong những tình huống giao tiếp cụ thể.

Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói về các chủ điểm giao tiếp liên quan đến công việc, đời sống.

28. Nói 1

Học phần gồm 30 bài học về các chủ điểm giao tiếp cơ bản: Giới thiệu làm quen, miêu tả người, thời gian rảnh rỗi, gia đình, mua sắm, tham quan du lịch, thức ăn đồ uống, giải trí, sức khỏe, miêu tả địa danh, ngày lễ, người nổi tiếng, thời thơ ấu, các chuyến đi.

Mỗi bài học được kết cấu gồm nhiều hoạt động làm việc theo cặp, theo nhóm và cá nhân nhằm phát triển kỹ năng của sinh viên về các chủ đề của bài học.

29. Đọc 1

Học phần Đọc 1 đề cập kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

Từ vựng về chủ đề trực tuyến, giáo dục, cơ hội việc làm, thể thao, du lịch, văn hóa, giải trí và thời trang.

Kỹ thuật đọc hiểu cơ bản: Skimming (đọc lướt lấy thông tin chi tiết), scanning (đọc lướt lấy thông tin chính), hiểu nghĩa từ vựng thông qua các dấu hiệu, tìm ý chính, tóm tắt thông tin văn bản.

30. Viết 1

Học phần Viết 1 cung cấp cho sinh viên kỹ năng viết các loại câu khác nhau như câu đơn, câu phức, cách viết các phần khác nhau của đoạn văn như câu mở đầu, thân đoạn, câu kết luận và cách viết một số loại đoạn văn khác nhau như đoạn văn miêu tả, đoạn văn trình bày ý kiến. Bên cạnh đó, sinh viên được củng cố các kiến thức ngữ pháp về các thì hiện tại, thì quá khứ, thì tương lai, các mệnh đề tính từ, mệnh đề điều kiện, từ loại, từ nối và các quy tắc viết hoa và sử dụng dấu câu.

31. Nghe 2

Học phần Nghe 2 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ, tính từ theo những chủ điểm giao tiếp khác nhau: Kỳ nghỉ, điều kiện sống, phim ảnh, sức khỏe, thời tiết, mua sắm, miêu tả người, địa điểm.

Cấu trúc: Các cấu trúc hội thoại thực tế trong những tình huống giao tiếp cụ thể.

Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói về các chủ điểm giao tiếp liên quan đến công việc, đời sống.

32. Nói 2

Học phần gồm 28 bài học về các tình huống giao tiếp cơ bản trong cuộc sống hàng ngày: Cách bắt đầu hội thoại, chia sẻ kinh nghiệm về đồ ăn, đưa ra gợi ý, xin việc, mời người khác tới một sự kiện, hỏi về sở thích du lịch, đưa ra ý kiến và yêu cầu, thảo luận về một sự kiện.

Mỗi bài học được kết cấu gồm 5 phần chính nhằm cung cấp về từ vựng, hội thoại, ngữ pháp, phát âm và nhiều hoạt động luyện nói theo cặp, theo nhóm và cá nhân nhằm phát triển kỹ năng của sinh viên về các chủ đề của bài học.

33. Đọc 2

Học phần Đọc 2 cung cấp cho sinh viên cấu trúc, từ vựng liên quan đến các chủ điểm thường gặp trong cuộc sống như: ẩm thực, phát minh, du học, tài chính, phong cách sống, thể thao, kiến trúc, ngôn ngữ, lễ hội. Bên cạnh đó, sinh viên được củng cố các kỹ năng đọc như đọc lướt, đọc tìm ý chính, đọc trả lời câu hỏi, đọc tìm từ mới, cùng với những trọng điểm ngữ pháp cần thiết cũng giúp người học làm quen với môn đọc và có được những kiến thức, kỹ năng nhất định phục vụ giao tiếp.

34. Viết 2

Học phần gồm 8 bài học. Học phần cung cấp vốn từ vựng phong phú thuộc các chủ đề khác nhau để giúp sinh viên phát triển kỹ năng viết. Ngoài ra học phần còn cung cấp, giải thích các loại câu khác nhau cũng như các mẫu câu thông dụng để giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng viết câu và từ đó phát triển viết đoạn văn tốt hơn. Học phần giúp sinh viên rèn luyện và phát triển kỹ năng xây dựng vốn từ vựng, kỹ năng viết câu đơn, câu ghép, câu phức và cao hơn nữa là kỹ năng viết đoạn văn hoàn chỉnh. Học phần hướng dẫn cách viết nhiều loại đoạn văn khác nhau như đoạn văn miêu tả, đoạn văn kể chuyện, đoạn văn mô tả quá trình. Học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng đọc và phân tích và chỉnh sửa các loại đoạn văn khác nhau để từ đó tìm ra phương pháp viết đoạn văn tốt nhất.

35. Nghe 3

Học phần gồm 12 bài học chú trọng vào việc cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng giao tiếp nói chung theo các chủ đề: Giao thông, thành phố, vui chơi, giải trí, khách sạn, nhà hàng, mua sắm, du lịch, sức khỏe, công việc, nghề nghiệp, truyền thông. Mỗi bài học gồm bốn phần chính trong đó có các bài tập nghe được thiết kế đa dạng giúp sinh viên luyện kỹ năng nghe hiểu nắm bắt thông tin chính và nghe cụ thể chính xác. Học phần gồm các chủ đề khác nhau nên sinh viên có thể nâng cao vốn từ vựng phong phú. Ngoài luyện kỹ năng nghe, học phần còn giúp sinh viên luyện phát âm chuẩn, luyện nói và củng cố, mở rộng các hiện tượng ngữ pháp xuất hiện trong các bài học.

36. Nói 3

Học phần Nói 3 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

Từ vựng: Các từ vựng chỉ mối quan hệ trong gia đình, các đặc điểm tính cách của những người xung quanh, các chủ đề hàng ngày như công việc, sự kiện, mục đích, ước mơ...

Cấu trúc: Cách dùng câu mệnh lệnh, cách đưa ra yêu cầu, đề nghị, cách đặt câu hỏi trực tiếp, gián tiếp, cách thể hiện sự nuối tiếc, mong chờ...

Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói về các chủ đề liên quan đến gia đình, miêu tả tính cách con người, đưa ra vấn đề và giải quyết vấn đề...

37. Đọc 3

Học phần Đọc 3 cung cấp cho sinh viên những nội dung sau:

Ngữ pháp: Cung cấp kiến thức về phân biệt từ loại, cấu tạo từ, đảo ngữ, bị động, câu gián tiếp, sự hòa hợp chủ vị.

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng theo chủ đề của bài học, cách mở rộng vốn từ dùng các tiền tố, hậu tố, phân biệt danh từ, động từ, tính từ, giới từ, liên từ.

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng đọc mô tả quá trình, xác định ý chính và các ý hỗ trợ, dự đoán nghĩa của từ, nhận biết các sự kiện theo chuỗi, đọc kỹ, và đọc lướt để lấy thông tin.

38. Viết 3

Học phần Viết 3 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

Kỹ năng viết đoạn văn và các dạng bài luận: Bài luận miêu tả, bài luận chỉ nguyên nhân kết quả, bài luận so sánh, bài luận phân loại.

Ngữ pháp về từ loại như danh từ, đại từ, động từ, các từ nối, mệnh đề tính từ, giới từ, các cấu trúc chỉ nguyên nhân kết quả, cấu trúc so sánh.

39. Nghe 4

Học phần Nghe 4 cung cấp cho sinh viên những nội dung sau:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên các cấu trúc ngữ pháp thông dụng trong mua bán, du lịch, vui chơi giải trí như hỏi đường, mô tả vấn đề, mô tả người...

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng theo chủ đề của bài học, các cụm từ thông dụng khi giao tiếp mua bán, trao đổi ý kiến.

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng nghe hiểu nắm bắt thông tin chính và nghe thông tin cụ thể chính xác. Các bài tập nghe được thiết kế đa dạng giúp sinh viên luyện kỹ năng nghe hiểu đồng thời còn luyện phát âm và phản xạ cho sinh viên.

40. Nói 4

Học phần Nói 4 cung cấp cho sinh viên cấu trúc, từ vựng sử dụng để nói về các chủ điểm thường gặp: Các mối quan hệ trong gia đình, sức khỏe, công việc và học tập, thiên nhiên và môi trường, ngôn ngữ giao tiếp, khoa học và công nghệ. Bên cạnh đó, sinh viên được củng cố các kỹ năng nói bày tỏ ý kiến cá nhân, hội thoại theo chủ đề, phát vấn, thuyết trình, báo cáo, phản nàn, khen ngợi..., cùng với những trọng điểm ngữ pháp cần thiết cũng giúp người học nâng cao kỹ năng nói và có được những kiến thức, kỹ năng nhất định phục vụ giao tiếp.

41. Đọc 4

Học phần Đọc 4 cung cấp cho sinh viên những nội dung sau :

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng về chủ đề du lịch, thời trang, động vật quý hiếm, tiền tệ, lễ hội, điều huyền bí, sức khỏe và sự cân đối, không gian, gia đình, tương lai của giáo dục, điều bí ẩn của trí nhớ, truyện tranh.

Kỹ năng: Học phần cung cấp kiến thức và bài luyện tập các kỹ năng đọc hiểu, kỹ năng nhận diện và sử dụng từ vựng.

42. Viết 4

Học phần Viết 4 cung cấp cho sinh viên kỹ năng viết các bài luận tường thuật, so sánh, chỉ nguyên nhân kết quả, tranh luận về các vấn đề trong cuộc sống như sức khỏe, giáo dục, tuổi trẻ, khoa học, nghệ thuật, văn hóa, y học. Bên cạnh đó, sinh viên được củng cố ngữ pháp về cách dùng các từ nối, các loại câu, mệnh đề điều kiện, danh từ, động từ, mệnh đề quan hệ.

43. Nghe 5

Học phần Nghe 5 cung cấp cho sinh viên những nội dung sau:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên các cấu trúc ngữ pháp thông dụng khi thuyết trình, các thói quen học tập, vui chơi giải trí. Phân biệt được danh từ đếm được và không đếm được, giới từ, các cấu trúc so sánh.

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng theo chủ đề của bài học, các cụm từ thông dụng khi giao tiếp mua bán, trao đổi ý kiến.

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng nghe hiểu nắm bắt thông tin chính và nghe thông tin cụ thể chính xác. Các bài tập nghe được thiết kế đa dạng giúp sinh viên luyện kỹ năng nghe hiểu đồng thời còn luyện phát âm và phản xạ cho sinh viên.

44. Nói 5

Học phần Nói 5 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

Từ vựng: Các từ vựng chỉ mối quan hệ trong gia đình, các đặc điểm tính cách của những người xung quanh, các chủ đề hàng ngày như công việc, sự kiện, mục đích, ước mơ...

Cấu trúc: Cách dùng câu mệnh lệnh, cách đưa ra yêu cầu, đề nghị, cách đặt câu hỏi trực tiếp, gián tiếp, cách thể hiện sự nuối tiếc, mong chờ...

Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói về các chủ đề liên quan đến gia đình, miêu tả tính cách con người, đưa ra vấn đề và giải quyết vấn đề...

45. Đọc 5

Học phần gồm 12 bài học luyện kỹ năng đọc theo định dạng đề thi IELTS về các chủ điểm: giải trí, thể thao và cảm xúc, giáo dục, khoa học và công nghệ, thế giới tự nhiên, giao tiếp, tiền bạc, quyền và trách nhiệm, địa điểm và du lịch.

Mỗi bài đọc được chia ra làm ba phần: từ vựng, phát triển kỹ năng và phần luyện thi. Các bài tập đọc hiểu theo từng chủ đề kèm phát triển kỹ năng làm bài thi đọc hiểu theo định dạng IELTS như trả lời câu hỏi trắc nghiệm, câu hỏi dạng rút gọn, hoàn thành bảng biểu và biểu đồ, hoàn thành câu, hoàn thành ghi chú và tóm tắt, nối câu, nối thông tin, hoàn thành ghi chú và tóm tắt bài đọc, nối các tiêu đề phù hợp với đoạn văn, xác định quan điểm hoặc yêu cầu của người viết...

46. Viết 5

Học phần Viết 5 cung cấp cho sinh viên những nội dung sau :

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng về chủ đề sở thích và mối quan tâm, giáo dục, văn hóa, gia đình, du lịch, phim ảnh, công nghệ, niềm hạnh phúc, thế giới tự nhiên, nơi sinh sống, sức khỏe và phương tiện giao thông.

Kỹ năng: Học phần cung cấp kỹ năng viết 2 dạng bài viết cơ bản: Dạng một phân tích, mô tả, so sánh, đối chiếu thông tin một bảng biểu, biểu đồ hình cột, hình đường dây, hình tròn, sơ đồ. Dạng hai viết luận về ưu điểm - nhược điểm, nguyên nhân - kết quả, thực trạng - giải pháp đối với một vấn đề xã hội.

47. Nghe 6

Học phần Nghe 6 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ, tính từ theo những chủ điểm giao tiếp khác nhau: Du lịch, tuổi trẻ, tự nhiên, môi trường, khí hậu, giáo dục, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ, sức khỏe, đời sống, tài chính, ngôn ngữ, giao tiếp.

Cấu trúc: Các cấu trúc hội thoại thực tế trong những tình huống giao tiếp cụ thể.

Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói về các chủ điểm giao tiếp liên quan đến công việc, đời sống.

48. Nói 6

Học phần gồm 12 bài học về các tình huống giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày: Con người và mối quan hệ, cơ thể khỏe mạnh, học tập và công việc, thế giới xung quanh, giao tiếp, công nghệ, sở thích, tuổi trẻ, ngôi nhà, văn hóa, sự di chuyển.

Mỗi bài học được kết cấu gồm 4 phần chính nhằm cung cấp về từ vựng, ngữ pháp, phát âm và nhiều hoạt động luyện nói theo cặp, trình bày chủ đề cá nhân nhằm phát triển kỹ năng nói của sinh viên về các chủ đề của bài học.

49. Đọc 6

Học phần Đọc 6 cung cấp cho sinh viên những nội dung sau:

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng về chủ đề môi quan hệ gia đình, sức khỏe và sự cân đối, giáo dục, tự nhiên và môi trường, ngôn ngữ và giao tiếp, khoa học và công nghệ, việc làm và tài chính, tuổi thiếu niên, con người và nơi chốn, các kỳ nghỉ và du lịch, văn hóa và xã hội hiện đại.

Kỹ năng: Học phần cung cấp kiến thức và bài luyện tập các kỹ năng đọc hiểu Tiếng Anh theo định dạng đề thi IELTS.

50. Viết 6

Học phần gồm 12 bài học, mỗi bài học tập trung vào một chủ đề mà sẽ xuất hiện trong các bài kiểm tra IELTS. Học phần cung cấp vốn từ vựng phong phú thuộc các chủ đề khác nhau cùng các thành ngữ từ ngữ có tính học thuật để giúp sinh viên phát triển kỹ năng viết. Từ bài 1 đến bài 11 hướng dẫn các bước chính để viết: Từ phân tích nhiệm vụ đến đọc và sửa các bài hoàn chỉnh. Mỗi bài học đều hướng dẫn các kỹ năng và các kỹ thuật để viết. Bài 12 đưa ra một bài kiểm tra viết mẫu. Ngoài ra giáo trình còn cung cấp các phương pháp và kỹ năng để làm bài thi đạt kết quả tốt nhất. Mỗi bài học gồm 3 phần chính: Phần thứ nhất là phát triển ngôn ngữ giới thiệu từ vựng liên quan đến bài học, phần thứ hai là các kỹ năng làm bài thi đưa ra các bài tập và hướng dẫn các bước chính của quá trình viết, phần ba là thực hành cung cấp các bài tập thực hành.

51. Tiếng Anh tổng hợp

Học phần Tiếng Anh tổng hợp cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

Từ vựng: Các từ vựng về các chủ điểm giao tiếp cơ bản: Làm quen, gia đình, đồ ăn thức uống, khoa học công nghệ, sức khỏe, mua sắm, giao thông...

Ngữ pháp: Thì hiện tại đơn, quá khứ đơn với động từ tobe, động từ thường, thì hiện tại tiếp diễn, cách dùng các cấu trúc với there be, can/ can't, have to, tobe able to... cách dùng tính từ sở hữu, danh từ đếm được và không đếm được.

Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc viết về các chủ điểm giao tiếp cơ bản: Làm quen, gia đình, đồ ăn thức uống, khoa học công nghệ, sức khỏe, mua sắm, giao thông vận tải...

52. Biên dịch 1

Học phần gồm 16 bài học về các chủ điểm như y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, sức khỏe, thời trang, giao thông, âm nhạc và lễ hội,... Học phần được phân thành hai phần tách biệt là dịch Anh - Việt và dịch Việt - Anh. Bên cạnh đó, sinh viên còn được cung cấp thêm các tài liệu về các chủ đề có liên quan, từ đó sinh viên thực hành biên dịch dưới sự hỗ trợ của giảng viên.

Liệt kê được 52 mẫu câu thông dụng khi dịch từ Việt sang Anh và các từ mới theo chủ đề như văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học, kỹ thuật, kinh tế, chính trị, du lịch môi trường, tình yêu, hôn nhân.

Trình bày được các kỹ năng và thủ thuật cơ bản trong biên dịch, cách sử dụng các từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, cách diễn giải và tái diễn đạt, phương pháp sử dụng ngôn ngữ trong khi biên dịch thông qua dịch các câu đơn và các đoạn văn ngắn theo

một số chủ đề cơ bản như: Y tế, giáo dục, văn hóa, kinh tế, đời sống, âm nhạc, thời trang, chính trị, sức khỏe.

53. Biên dịch 2

Học phần gồm 14 bài thực hành dịch, tập trung vào các chủ điểm như: chính trị, lịch sử, văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục, kinh tế.... nhằm trang bị cho sinh viên lượng thuật ngữ và cấu trúc tiếng Anh thường dùng trong các lĩnh vực trên.

Học phần có các bài tập luyện kỹ năng dịch từ Anh sang Việt và từ Việt sang Anh trên cơ sở lượng thuật ngữ và kiến thức ngữ pháp trong học phần.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng dịch thuật trong nhiều lĩnh vực.

54. Phiên dịch 1

Học phần gồm 4 bài học về bốn trong nhiều kỹ năng cơ bản mà người phiên dịch cần có: Nghe hiểu để dịch, trí nhớ, ghi chép để dịch, hiểu và sử dụng từ đồng nghĩa và ngữ cố định. Trong mỗi bài, sinh viên sẽ được học lý thuyết và làm các bài tập nghe giúp sinh viên thực hành kỹ năng đó. Bên cạnh đó, sinh viên còn được thực hành nghe và quan sát các bài phát biểu hoặc các video của người bản ngữ trình bày quan điểm về các chủ đề đa dạng, phong phú và có tính thời sự cao, từ đó sinh viên thực hành dịch nói dưới sự hỗ trợ của giảng viên.

55. Phiên dịch 2

Học phần Phiên dịch 2 cung cấp cho sinh viên cấu trúc, từ vựng liên quan đến các chủ điểm giao tiếp như công nghiệp, nông nghiệp, khoa học, công nghệ, văn hóa, đời sống, kinh tế, môi trường, giáo dục, sức khỏe.

Bên cạnh đó, sinh viên được củng cố các kỹ năng phiên dịch Việt-Anh, Anh-Việt ở cấp độ cao như Liaison Interpretation và Consecutive interpretation, phiên dịch nói tiếp.

56. Phân tích diễn ngôn

Học phần Phân tích diễn ngôn gồm 5 chương trình bày khái quát cách thức mà con người tạo lập và rồi nhận diện nghĩa từ các văn bản và trong thực tiễn giao tiếp thông qua việc xem xét các khái niệm như truyền thông và cảnh huống (communication and context), cấu trúc của thông tin trong văn bản (structure of information in texts), nguyên tắc hợp tác (cooperative principles), các thể loại diễn ngôn (discourse genres), sự khác biệt giữa ngôn ngữ nói (spoken language) với ngôn ngữ viết (written language), ...

Học phần giới thiệu:

Một số khái niệm cơ bản về phân tích diễn ngôn, bao gồm mối quan hệ chặt chẽ giữa các thành tố ngôn ngữ, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh, đặc điểm tính chất của văn nói và văn viết.

Một số khái niệm cơ bản về ngữ dụng học: lý thuyết hành vi ngôn ngữ, hàm ngôn hội thoại, phương châm hội thoại.

Ứng dụng của ngữ dụng học và phân tích diễn ngôn vào các lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng khác như: Giảng dạy ngoại ngữ, phiên dịch, luật, kỹ năng giao tiếp nơi công sở...

57. Ngôn ngữ học đối chiếu Việt Anh

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, khái niệm cơ bản về các nguyên tắc và phương pháp đối chiếu sự tương đồng và sự dị biệt của các đơn vị ngôn ngữ của tiếng Anh và tiếng Việt. Qua đó, sinh viên phân tích vận dụng các kiến thức đã học để so sánh, đối chiếu các đơn vị ngôn ngữ của tiếng Anh và tiếng Việt như: ngữ âm, từ vựng, ngữ nghĩa, cú pháp, ngữ dụng học.

58. Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh

Học phần gồm 6 bài học về các chủ điểm: Các bước chuẩn bị thuyết trình, cách thức tiến hành các nội dung của một bài thuyết trình từ phần mở đầu, nội dung chính đến kết thúc bài thuyết trình, cách dùng ngôn ngữ cơ thể, cách sử dụng các công cụ thuyết trình cho hiệu quả. Kết cấu mỗi bài học gồm 2 nội dung chính: Phần lý thuyết cung cấp các kiến thức lý thuyết cơ bản về thuyết trình. Phần thực hành giúp sinh viên vận dụng được các kiến thức lý thuyết luyện tập các kỹ năng thực tế.

59. Thực tập biên, phiên dịch

Học phần Thực tập biên, phiên dịch giúp cho sinh viên củng cố những kiến thức lý thuyết, kỹ năng đã được học tập ở nhà trường; Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế tại cơ sở sản xuất, doanh nghiệp; Tạo điều kiện cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh có cơ hội tiếp cận với môi trường làm việc thực tế, quản lý điều hành, tổ chức các hoạt động tại đơn vị thực tập; Rèn luyện khả năng giao tiếp, nâng cao kỹ năng biên, phiên dịch tài liệu, rèn luyện khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc

60. Thực tập tốt nghiệp

Học phần Thực tập tốt nghiệp giúp cho sinh viên củng cố những kiến thức lý thuyết, kỹ năng đã được học tập ở nhà trường; Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế tại cơ sở sản xuất, doanh nghiệp; Tạo điều kiện cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh có cơ hội tiếp cận với môi trường làm việc thực tế, quản lý điều hành, tổ chức các hoạt động tại đơn vị thực tập; Rèn luyện khả năng giao tiếp, nâng cao kỹ năng nghe nói tiếng Anh và biên, phiên dịch tài liệu, rèn luyện khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

61. Khóa luận tốt nghiệp

Cần tạo điều kiện cho sinh viên khá, giỏi làm luận văn tốt nghiệp. Đây là dịp sinh viên nghiên cứu tài liệu để làm đề tài khoa học, tổng hợp các kiến thức đã học vào làm nghiên cứu. Tổ chức cho sinh viên bảo vệ khóa luận tốt nghiệp. Nếu sinh viên không bố trí làm luận văn tốt nghiệp thì tổ chức cho sinh viên học các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp.

62. Thực hành biên dịch doanh nghiệp

Học phần Thực hành biên dịch doanh nghiệp giúp cho sinh viên củng cố những kiến thức lý thuyết, kỹ năng đã được học tập ở nhà trường; Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế tại doanh nghiệp; Tạo điều kiện cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh có cơ hội tiếp cận với môi trường làm việc thực tế; Rèn luyện khả năng giao tiếp, nâng cao

kỹ năng biên dịch tài liệu, rèn luyện khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

63. Thực hành phiên dịch doanh nghiệp

Học phần Thực hành phiên dịch doanh nghiệp giúp sinh viên được thực hành dịch nói các cuộc trao đổi của người quản lý với khách hàng hoặc nhân viên, dịch nói trong các cuộc họp, tại xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sinh viên vận dụng kiến thức đã học và học hỏi thực tế nâng cao khả năng dịch nói của bản thân. Học phần này sinh viên có thể thực hành thực tế ngoài doanh nghiệp.

64. Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm

Học phần Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về 2 kỹ năng: Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò của kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện. Hình thành cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức sự kiện, qua đó sinh viên vận dụng lập kế hoạch trong học tập, rèn luyện, trong cuộc sống và tổ chức được một số sự kiện. Kỹ năng tìm kiếm việc làm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, kỹ năng tìm kiếm việc làm, quá trình tìm việc làm; đánh giá năng lực bản thân, xác định mục tiêu nghề nghiệp, tìm kiếm cơ hội việc làm, kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc, chuẩn bị tốt cho buổi phỏng vấn, tham dự phỏng vấn, sau buổi phỏng vấn, thương lượng về lương bổng và các quyền lợi khác các bước chuẩn bị cho công việc mới. Từ đó, sinh viên phát huy hiệu quả kiến thức đã học để phát triển tiềm năng cá nhân, đáp ứng với yêu việc làm của xã hội.

65. Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo

Học phần Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo cung cấp những nội dung cơ bản về khái niệm, vai trò và các kỹ năng thích ứng như: kỹ năng thích ứng trong học tập; kỹ năng thích ứng với môi trường làm việc; các giải pháp rèn luyện kỹ năng thích ứng như: xác định tư tưởng, thường xuyên giả định các trường hợp có thể xảy ra, luôn khám phá và kích thích sự sáng tạo, đối diện với thử thách, chấp nhận thay đổi để thích ứng với mọi hoàn cảnh trong cuộc sống. Nội dung cơ bản về khái niệm, vai trò, đặc điểm của người có kỹ năng phản biện, rèn luyện kỹ năng phản biện, trau dồi kiến thức cho bản thân thường xuyên, rèn luyện kỹ năng phân tích, kỹ năng phản biện khi giao tiếp, nâng cao khả năng sáng tạo, cách giải quyết vấn đề, rèn luyện để có cách nhìn khách quan, hình thành thói quen đặt câu hỏi, việc sử dụng sơ đồ. Nội dung kỹ năng tư duy sáng tạo gồm khái niệm, đặc điểm và lợi ích của tư duy sáng tạo, các loại tư duy sáng tạo, phẩm chất của tư duy sáng tạo, quy trình và phương pháp tư duy sáng tạo; các bước trong quy trình tư duy sáng tạo, phương pháp tư duy sáng tạo. Từ đó, sinh viên vận dụng các kỹ năng vào quá trình học tập, rèn luyện và trong cuộc sống.

66. Tiếng Trung nâng cao 1

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng bài khóa liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như: Học tập, thi cử, sở thích về âm nhạc, thời tiết... Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp:

Câu bổ ngữ xu hướng, câu so sánh hơn 比, hơn nhất “最”, so sánh bằng “有”, so sánh giống nhau “跟 一样”, diễn đạt hành động/động tác sắp xảy ra “要了”、“就要....了”、“快要....了”. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

67. Tiếng Trung nâng cao 2

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng bài khóa liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như: Đi tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người....Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: Câu bổ ngữ kết quả, trợ từ động thái “过”, bổ ngữ động lượng, biểu đạt số thứ tự, cấu trúc “一 就.....”, “是 的”, lặp lại tính từ, vị ngữ chủ vị, câu bị động, lặp lại lượng từ, bổ ngữ xu hướng kép, trợ từ động thái “着”. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

68. Tiếng Anh du lịch khách sạn

Học phần gồm 15 bài học về chủ đề quản trị khách sạn cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Từ vựng: Học phần này cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng thuộc ngành quản trị khách sạn như: các trang thiết bị trong khách sạn, các bộ phận cần thiết của một khách sạn, các thủ tục đăng ký khi vào ở khách sạn cũng như các thủ tục trả phòng khi rời khách sạn,...

Ngữ pháp: Ngoài việc cung cấp vốn từ vựng thuộc các chủ đề khác nhau của ngành quản trị khách sạn và các cấu trúc câu cơ bản để giao tiếp với khách, học phần còn củng cố và mở rộng một số kiến thức ngữ pháp cơ bản như cách chia động từ ở thì thích hợp, cấu trúc câu bị động, câu gián tiếp, câu có sử dụng mệnh đề quan hệ. Kết thúc học phần sinh viên có một vốn từ vựng phong phú và một vốn kiến thức rộng thuộc lĩnh vực quản trị khách sạn.

Kỹ năng: Sinh viên được luyện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết một cách thành thạo. Đặc biệt giáo trình rèn luyện cho sinh viên kỹ năng nghe nói rất tốt. Sinh viên có thể giao tiếp với khách nước ngoài khi ở các vị trí khác nhau trong khách sạn. Sinh viên có thể mở rộng vốn kiến thức của mình bằng cách tự đọc thêm các tài liệu tham khảo liên quan đến chuyên ngành khách sạn.

69. Biên dịch 3

Học phần gồm 8 bài học về các phương pháp dịch Anh - Việt, Việt - Anh: Câu bị động, mệnh đề phụ, dịch cụm từ, các kỹ thuật dịch: Lược bỏ từ, bổ sung từ, chuyển đổi từ loại, dịch một từ theo nhiều cách, câu không có chủ ngữ, xử lý câu dài - tách câu... Các chủ đề luyện dịch về đời sống, văn hóa, xã hội, chính trị, thương mại...được đi kèm với từ vựng, giải thích cấu trúc ngữ pháp.

70. Phiên dịch 3

Học phần cung cấp cho sinh viên các kỹ năng và thủ thuật căn bản trong phiên

dịch Anh Việt và Việt Anh như kỹ thuật đơn giản hóa, khái quát hóa, kỹ thuật diễn giải, tái diễn đạt, kỹ thuật dịch tên riêng, và các thủ thuật trong dịch đuôi, dịch song song, dịch cabin. Sinh viên có khả năng truyền tải được nội dung của thông điệp gốc với mức độ chính xác cao hơn và có thể hiểu được đối với người nghe ở ngôn ngữ đích, có độ dài khoảng 6-10 phút. Trong mỗi bài, sinh viên sẽ được học lý thuyết và làm các bài tập nghe giúp sinh viên thực hành kỹ năng đó. Bên cạnh đó, sinh viên còn được thực hành nghe và quan sát các bài phát biểu hoặc các video của người bản ngữ trình bày quan điểm về các chủ đề đa dạng phong phú và có tính thời sự cao, từ đó sinh viên thực hành dịch nói dưới sự hỗ trợ của giảng viên.

71. Văn học các nước nói tiếng Anh

Học phần Văn học các nước nói tiếng Anh cung cấp cho sinh viên những nội dung sau:

Học phần truyền thụ kiến thức Văn học Anh Mỹ giúp người học cảm thụ và đánh giá được cái hay cái đẹp của văn học Anh Mỹ, giá trị văn hóa xã hội của các tác phẩm và bước đầu hiểu được việc sử dụng ngôn ngữ văn học thông qua một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu được lựa chọn. Thông qua môn học, người học có thể nắm được kiến thức sơ lược về sự phát triển của văn học Anh-Mỹ, đọc và hiểu tác phẩm văn học nguyên bản dựa trên những kiến thức ngôn ngữ đã học và biết phân tích và đánh giá một tác phẩm văn học, qua đó hiểu được nội dung của tác phẩm và ý tưởng của tác giả.

6.2. Đề cương chi tiết học phần (có phụ lục kèm theo)

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
SAO ĐỎ

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên